

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/DS-PT

Ngày: 22-01-2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng góp
hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân;

Bà Trương Thị Tuyền.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Đặng Thị Châu, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 22 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2018/TLPT-DS ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2018/DS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 243/2018/QĐ-PT ngày 21 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1990; cư trú tại: Số A1, đường Nguyễn Chí T, khu phố A2, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968; cùng trú tại: Tổ 13, ấp Thanh Phú, xã Thanh Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1966, cư trú tại: Số A1, đường Nguyễn Chí T, khu phố A2, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn, Ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/7/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên vào năm 2017, ông T, bà T có tham gia góp hụi do chị làm chủ hụi, loại hụi 5.000.000 đồng, 01 tháng mở 01 lần, mở hụi kỳ đầu ngày 30-12-2017, gồm 32 phần tham gia, nhưng sau đó còn 28 phần tham gia. Ông T, bà T lĩnh hụi ở kỳ đầu tiên, bỏ thâm hụi giá 1.350.000 đồng. Ngày 01-01-2018, chị giao tiền lĩnh hụi cho ông T, bà T số tiền 110.650.000 đồng, sau khi đã trừ tiền hoa hồng 2.500.000 đồng. Chị trực tiếp giao đủ số tiền 110.650.000 đồng cho ông T, bà T tại nhà ông bà T và ông T. Bà T đồng ý ký tên vào giấy “Biên nhận” xác nhận số tiền nợ do chị viết, thời gian trả là 31 tháng, mỗi tháng 5.000.000 đồng. Mục đích lĩnh hụi của ông T, bà T ban đầu ông bà nói với chị lĩnh hụi để trả tiền cho bà B, nhưng sau khi chị giao tiền hụi cho ông T, bà T, ông bà có trả tiền cho bà B hay không chị không biết. Từ sau khi lĩnh hụi đến nay, ông T, bà T chưa trả cho chị được khoản tiền nào. Chị đã nhiều lần đến nhà yêu cầu ông bà trả tiền, nhưng bà T, ông T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền hụi cho chị.

Nay chị yêu cầu bà Nguyễn Thị T, ông Lê Văn T trả cho chị số tiền hụi gốc 110.650.000 đồng và tính tiền lãi từ ngày 30-12-2017 đến ngày 05-10-2018, với mức lãi suất 1%/1 tháng. Cụ thể: $110.650.000đ \times 1\%/1 \text{ tháng} \times 8 \text{ tháng} 5 \text{ ngày} (30-12-2017 - 30-7-2018) = 9.036.416 \text{ đồng}$. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 119.686.416 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào khoảng đầu năm 2018, do bà và ông T không có khả năng trả tiền lãi tiếp cho bà B đối với số tiền vay của bà B 100.000.000 đồng, vay vào tháng 8 năm 2016 nên bà B là mẹ ruột của chị H yêu cầu ông bà tham gia góp hụi do chị H làm chủ hụi, loại hụi 5.000.000 đồng, 01 tháng mở 01 lần, mở hụi kỳ đầu vào tháng mấy bà không nhớ rõ, khi bắt đầu tham gia góp hụi chị H báo với bà có 32 người tham gia, sau đó chị H báo lại với bà chỉ còn 28 người tham gia, bà B yêu cầu bà lĩnh hụi ở kỳ đầu, tự chị H và bà B bỏ thâm hụi, chị H tự tính số tiền hụi lĩnh được 113.150.000 đồng, sau khi đã trừ tiền hoa hồng 2.500.000 đồng, còn lại 110.650.000 đồng, chị H viết giấy “Biên nhận” yêu cầu bà và ông T ký tên vào xác nhận số nợ 110.650.000 đồng. Ngoài ra, chị H tự tính tiền nợ hụi và cần trừ số tiền bà nợ bà B vào tờ lịch cũ và giao cho bà cất giữ có nội dung trừ tiền nợ bà B 100.000.000 đồng, còn lại 10.650.000 đồng, trừ tiếp tiền lãi 4 tháng 7 ngày là 13.000.000 đồng, chốt lại bà và ông T còn nợ 2.850.000 đồng. Mục đích lĩnh hụi của ông bà là để trả tiền cho bà B. Bà cho rằng thực tế bà và ông T không nhận được tiền hụi từ chị H. Sau khi lĩnh hụi ông bà đã trả cho chị H được 02 kỳ hụi là 10.000.000 đồng, mỗi lần trả tiền hụi bà giao tiền cho bà B, không làm giấy tờ gì. Trong thời gian trả tiền hụi bà đã nhiều lần yêu cầu bà B trả giấy nợ 100.000.000 đồng, nhưng bà B không trả nên bà ngưng không trả tiền hụi cho chị H nữa.

Bà không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của chị H vì bà cho rằng bà và ông T không nhận tiền lĩnh hụi của chị H.

Bị đơn Ông Lê Văn T trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về việc tham gia góp hụi của chị H. Ông thừa nhận ông ký tên vào giấy “Biên nhận” xác nhận nợ hụi với chị H tuy

nhiên ông không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của chị H vì ông cho rằng ông và bà T không nhận tiền lãi hui của chị H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị B:

Do bà và ông T, bà T có quan hệ quen biết nên bà có giới thiệu cho ông T, bà T tham gia góp hui do chị H làm chủ hui là con gái của bà. Ông T, bà T đồng ý tham gia góp hui nên giữa ông T, bà T và chị H tự tính toán và giao tiền hui như thế nào bà không biết. Bà xác định bà không nhận tiền hui từ chị H và ông T, bà T chưa trả tiền vay cho bà.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 38/2018/DS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 471, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Phạm Thị Thu H số tiền nợ hui gốc là 110.650.000.000 (một trăm mười triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, bị đơn ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H.

-Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông T có đơn kháng cáo, Tòa án đã triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng ông T vắng mặt không có lý do là từ bỏ quyền kháng cáo, căn cứ Điều 296 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông T.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà T: Bà T thừa nhận có tham gia góp hui do chị H làm chủ dây hui mở ngày 28/12/2017 và hót hui ở kỳ đầu tiên được số tiền 110.650.000 đồng (đã trừ 2.500.000 đồng tiền hoa hồng). Việc hót hui được thể hiện tại biên nhận ngày 30/12/2017, có chữ ký của vợ chồng bà T, ông T được các đương sự thừa nhận. Tuy nhiên, bà T cho rằng thực tế không nhận tiền hui từ chị H mà chị H dùng số tiền hui này để trả cho bà B mẹ chị H để trừ khoản nợ bà vay của

bà B 100.000.000 đồng nên không thừa nhận khoản nợ này là không có cơ sở vì giao dịch hui là có thật, còn việc xem xét giữa chị H, bà B có dùng tiền hui để khấu trừ sang tiền nợ của bà B hay không là vấn đề khác. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ; không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông T, bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do ông T từ bỏ kháng cáo, bà T không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên phải chịu án phí phúc thẩm dân sự theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Ông Lê Văn T. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T.

1. Buộc Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị Thu H số tiền nợ hui gốc là 110.650.000.000 (một trăm mười triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng. Bà T, ông T không phải trả tiền lãi hui cho chị H.

Kể từ ngày chị Phạm Thị Thu H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng ông T và bà T phải trả cho chị H số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T phải chịu 5.532.000 (năm triệu năm trăm ba mươi hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Phạm Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Phạm Thị Thu H 2.766.000 (hai triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005451 ngày 12/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông T, bà T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại biên lai số 0005736 ngày 22/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Ông T, bà T đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Tân Biên;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án (Oanh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Hồng Mai